

Số: 164b/KH-THTH

Kiến An, ngày 26 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Dự kiến thu, chi các khoản đóng góp trong nhà trường Năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 6341/UBND-VX ngày 10/9/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các quy định hiện hành về chế độ công khai;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố sửa đổi Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của UBND thành phố về việc thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLĐ-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026; Công văn số 6495/SGDĐT-VP ngày 12/9/2025 về việc tăng cường kỉ cương, công khai, minh bạch trong thực hiện các khoản thu tại cơ sở giáo dục năm học 2025-2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 2906/SGDĐT-GDTH&ĐH ngày 14/5/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh cho phép hoạt động đối với Trung tâm làm nhiệm vụ giáo dục thường xuyên và Trung tâm phát triển giáo dục hoà nhập (bổ sung);

Căn cứ Hướng dẫn số 114/BHXH-TST ngày 13/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Kiến An về việc hướng dẫn thực hiện triển khai BHYT HS, SV năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1147/UBND-VHXH ngày 15/9/2025 của UBND phường Kiến An về việc thực hiện các khoản thu trong trường học năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 08-CV/ĐTN ngày 12/9/2025 của Ban chấp hành Đoàn phường Kiến An về việc phát hành báo Đội năm học 2025-2026;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, Trường Tiểu học Thực Hành xây dựng Kế hoạch dự kiến thu, chi các khoản đóng góp trong nhà trường năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

I. CÁC KHOẢN THU HỘ

1. Bảo hiểm y tế: Hướng dẫn số 114/BHXH-TST ngày 13/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Kiến An về việc hướng dẫn thực hiện triển khai BHYT HS, SV năm học 2025-2026;

1.1. Học sinh khối 1:

- Mức thu:

+ Học sinh sinh từ 01/10/2019 trở về trước (thu 15 tháng): 789.750đ/HS/năm;

+ Học sinh sinh từ 02/10/2019 đến 01/11/2019 (thu 14 tháng): 737.100đ/HS/năm;

+ Học sinh sinh từ 02/11/2019 đến 01/12/2019 (thu 13 tháng): 684.450đ/HS/năm;

+ Học sinh sinh từ 02/12/2019 đến 31/12/2019 (thu 12 tháng): 631.800đ/HS/năm.

- Thời gian thu: Tháng 9/2025.

1.2. Học sinh khối 2,3,4,5:

- Mức thu: 631.800đ/HS/năm.

- Thời gian thu: Tháng 11/2025.

- Mức chi: Nộp về BHXH mua BHYT cho học sinh.

2. Quỹ Vòng tay bè bạn: Thực hiện theo văn bản hướng dẫn của cơ quan chuyên môn các cấp.

3. Báo Đội: Thực hiện theo Công văn số 08-CV/ĐTN ngày 12/9/2025 của Ban chấp hành Đoàn phường Kiến An về việc phát hành báo Đội năm học 2025-2026; Công văn số 5078/SGDĐT-VP về việc phối hợp công tác truyền thông đưa báo ngành tới các đơn vị trường học (Ấn phẩm của Báo Giáo dục & Thời đại: Cầu vòng tuổi thơ).

- Mức thu: 20.000 đồng/HS/tháng.
- Mức chi: Mua báo Đội, báo Cầu vồng tuổi thơ.

II. CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ

Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố sửa đổi Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

1. Đối với các dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

- Đối tượng thu: HS đăng kí ăn bán trú.
- Hình thức thu: Thu theo tháng.

1.1. Phục vụ ăn bán trú (NQ 08 quy định: 30.000đ/HS/ngày)

- Mức thu: 30.000 đồng/HS/ngày
- Mức chi: Thanh toán tiền mua thực phẩm: 28.000 đồng/HS/ngày (trong đó: Bữa chính (tính cả hoa quả tráng miệng): 23.000 đồng; bữa phụ: 5.000 đồng). Thanh toán tiền chất đốt, phụ phí phục vụ công tác bán trú: 2.000đồng/HS/ngày.

1.2. Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh (NQ 08 quy định: 360.000đ/HS/năm đối với HS mới tuyển hoặc trang bị lần đầu; 200.000đ/HS/năm đối với HS các năm học tiếp theo)

- Mức thu (Thu đầu năm học):
- + Khối 1: 360.000 đồng/HS/năm;
- + Khối 2; 3; 4; 5: 200.000đồng/HS/năm.
- Mức chi: Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác bán trú (chăn, thảm, gối, khăn mặt, khay chia ăn, bát, thìa, ca, cốc, và các vật dụng cần thiết khác).

1.3. Hỗ trợ phục vụ hoạt động chăm sóc bán trú: Hỗ trợ người nấu ăn; người chăm ăn, trông trưa; công tác quản lý (NQ 08 quy định: 150.000đ/HS/tháng).

- Mức thu: 150.000 đồng/HS/tháng.
- Mức chi:
- + Nộp thuế TNDN: 2%;
- + Thanh toán cho người nấu ăn: 45%;
- + Chi cho giáo viên, nhân viên trông trưa tại các lớp: 33%;
- + Chi công tác quản lý bán trú của GVCN: 3%;
- + Chi công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, phục vụ bán trú: 17%.

2. Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động giáo dục, dạy học 2 buổi/ngày (NQ 08 quy định: 30.000đ/HS/tháng).

- Đối tượng thu: HS học 2 buổi/ngày.

- Hình thức thu: Thu theo tháng.
- Mức thu: 30.000 đồng/HS/tháng.
- Mức chi: Chi hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước.

3. Quản lý học sinh ngoài giờ học (NQ 08 quy định: 10.000đ/giờ, không quá 3 giờ/ngày -> Trung bình: 167đ/phút).

- Đối tượng thu: HS khối 1; 2; 3; 4; 5 đăng kí.
- Hình thức thu: Thu theo tháng.
- Thời lượng: Học sinh khối 1; 2: (85 phút x 3 buổi x 4 tuần x 167đ) + (50 phút x 2 buổi x 4 tuần x 167đ). Học sinh khối 3; 4; 5: (85 phút x 5 buổi x 4 tuần x 167đ)
- Mức thu Khối 1; 2: 240.000đ/HS/tháng.
- Mức thu Khối 3; 4; 5: 280.000đ/HS/tháng.
- Mức chi:
 - + Nộp thuế: 2%;
 - + Chi giáo viên trực tiếp quản lý học sinh: 75%;
 - + Chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra: 23%.

4. Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh

- Đối tượng thu: HS khối 1; 2; 3; 4; 5.
- Hình thức thu: Thu theo kì.
- Mức thu: 10.000 đồng/HS/tháng.
- + Học kì I: 10.000 đồng/HS/tháng x 5 tháng = 50.000 đồng/HS;
- + Học kì II: 10.000 đồng/HS/tháng x 4 tháng = 40.000 đồng/HS;
- Mức chi:
 - + Nộp thuế TNDN 2%;
 - + 98% số thu sau khi đã nộp thuế TNDN chuyển trả theo Hợp đồng với công ty TNHH thương mại tập đoàn Á Châu thuê hệ thống thiết bị cấp nước uống cho học sinh (Đơn vị cung cấp chịu chi phí trang thiết bị vật tư, nguyên liệu, vận hành, duy tu, bảo dưỡng, kiểm định,...).

III. CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN

1. Tiền học Kỹ năng sống: 12.500đ/tiết/HS/tháng (bao gồm cả học liệu)

- Đối tượng: Học sinh khối 1; 2; 3; 4; 5 đăng kí học.
- Hình thức thu: Thu theo tháng.
- Thời lượng: 2 tiết/tuần x 4 tuần.
- Mức thu: 100.000 đồng/HS/tháng.
- Mức chi:

- Nộp thuế TNDN 2%, số còn lại 98% trích tỷ lệ như sau:
- + Nộp về Công ty cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA: 84%
- + Chi tại trường: 16%. (Chi tăng cường CSVC 5%; Chi công tác quản lý lớp của GVCN 3%; Chi công tác quản lý chỉ đạo, kiểm tra: 8%)

2. Tiền học Tiếng Anh tự chọn: 12.000đ/tiết/HS/tháng

- Đối tượng thu: HS khối 1; 2 đăng ký học.
- Hình thức thu: Thu theo tháng.
- Thời lượng: 2 tiết/tuần x 4 tuần.
- Mức thu: 96.000 đồng/HS/tháng.
- Mức chi: Nộp thuế TNDN 2%, số còn lại 98% trích tỷ lệ như sau:
- + Nộp về Trung tâm ngoại ngữ, tin học Tiên Phát: 80%
- + Chi tại trường: 20%. (Chi tăng cường CSVC 5%; Chi công tác quản lý lớp của GVCN 4%; Chi công tác quản lý chỉ đạo, kiểm tra: 11%)

3. Tiền học Tiếng Anh có yếu tố người-nước ngoài: 40.000đ/tiết/HS/tháng

- Đối tượng thu: HS khối 1; 2; 3; 4; 5 đăng ký học.
- Hình thức thu: Thu theo tháng.
- Thời lượng: 1 tiết/tuần x 4 tuần.
- Mức thu: 160.000đ/HS/tháng.
- Mức chi: Nộp thuế TNDN 2%, số còn lại 98% trích tỷ lệ như sau:
- + Nộp về Trung tâm Ngoại ngữ E-Connect Hải Phòng: 85%
- + Chi tại trường: 15%. (Chi tăng cường CSVC 5%; Chi công tác quản lý lớp của GVCN 3%; Chi công tác quản lý chỉ đạo, kiểm tra: 7%)

Trên đây là Kế hoạch dự kiến thu, chi các khoản đóng góp trong nhà trường năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Thực Hành./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hải Phòng (để b/c);
- Phòng VH-XH phường (để b/c);
- Phòng KT, HT & ĐT phường (để b/c);
- HĐND phường (để b/c);
- Cấp ủy, BGH, các tổ CM (để th/h);
- BDD CMHS trường, lớp (để th/h);
- Lưu: VT, KT.



Vũ Thị Thanh Tâm